

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Biên

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 40/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N; sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn Q, xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Lưu Vĩnh T; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn Q, xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị N, anh T. Chị N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Lưu Vĩnh T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 10/11/2015 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 08/2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính

tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không được. Từ tháng 02/2020 cho đến nay, vợ chồng đã không còn quan tâm tới nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T**.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Phạm Ngọc **D**, sinh ngày 14/7/2016 và cháu Lưu Ngọc **NY**, sinh ngày 13/6/2019. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **NY**, giao cháu **D** cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị **N** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lưu Vĩnh **T** để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị **N** nhưng anh **T** không có mặt nên không có lời khai của anh **T** và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **N** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **T** không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Phạm Thị **N** được ly hôn anh Lưu Vĩnh **T**. Giao cháu Lưu Phạm Ngọc **D**, sinh ngày 14/7/2016 cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lưu Ngọc **NY**, sinh ngày 13/6/2019 cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Lưu Vĩnh **T** không có mặt nên Toà án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **T** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh **T** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **T** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh **T** lần thứ hai đến Toà án để tham gia phiên tòa nhưng anh **T** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh **T**.

Chị Phạm Thị N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Lưu Vĩnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2015 tại UBND xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Từ tháng 02/2020 cho đến nay, vợ chồng đã không còn quan tâm tới nhau. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh T lên làm việc để anh T được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh T đều không có mặt, thể hiện anh T không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị N, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh T.

[3] Về con cái: Chị N và anh T có 02 con chung. Hiện các cháu vẫn đang sống chung với bố mẹ. Xét thấy, các cháu hiện đang còn nhỏ, cháu NY mới hơn 01 tuổi, một người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu sẽ rất vất vả và không đảm bảo điều kiện phát triển được cho các cháu. Giao cho mỗi người trực tiếp nuôi mỗi cháu là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu NY cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị N không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Lưu Vĩnh T.

2. Về con cái: Giao cháu Lưu Phạm Ngọc D, sinh ngày 14/7/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lưu Ngọc NY, sinh ngày 13/6/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N, anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, theo biên lai số AA/2019/0011849

ngày 09/7/2020. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị N, anh T. Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **QT**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Phạm Ngọc Biên

Bùi Trung Thành

Nguyễn Thanh Tân

